

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VÀ XNK MINH KHÁNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VÀ XNK MINH KHÁNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109211231

**3. Ngày thành lập:** 04/06/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà số 5, ngách 27/09, Đường Tây Mỗ, TDP Phú Thù, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh<br>Chi tiết: Sản xuất nhựa thông, nguyên liệu nhựa và chất đàn hồi nhựa dẻo không lưu hóa nhiệt, chất hỗn hợp và nhựa thông pha trộn theo phương pháp thông thường cũng như sản xuất nhựa thông tổng hợp không theo định dạng | 2013     |
| 2.  | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                                                                                                         | 2512     |
| 3.  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                   | 2591     |
| 4.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                       | 2592     |
| 5.  | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                                                                                                                                        | 2593     |
| 6.  | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội)                                                                                                                                                           | 2599     |
| 7.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                                                                                                       | 4610     |
| 8.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                  | 4620     |
| 9.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                     | 4631     |
| 10. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4632     |
| 11. | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn rượu mạnh;<br>- Bán buôn rượu vang                                                                                                                                                                                                     | 4633     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4634        |
| 13. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                                                         | 4649        |
| 14. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ kinh doanh vàng)                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4662        |
| 15. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4663        |
| 16. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4669        |
| 17. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4690        |
| 18. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                              | 4711        |
| 19. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4721        |
| 20. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4722        |
| 21. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ uống có cồn: Rượu mạnh, rượu vang, bia;<br>- Bán lẻ đồ không chứa cồn: Các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có gas như: Côca côla, pepsi côla, nước cam, chanh, nước quả khác...;<br>- Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác | 4723        |
| 22. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                    | 4724        |
| 23. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ súng, đạn, tem, vàng và tiền kim khí và các loại hàng hóa Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                          | 4773        |
| 24. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5610(Chính) |
| 25. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5621        |
| 26. | Dịch vụ ăn uống khác<br>(Trừ phòng hát karaoke. vũ trường, quán bar)                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5629        |
| 27. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Trừ phòng hát karaoke. vũ trường, quán bar)                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5630        |
| 28. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8292        |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                               | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: Giới tính:  
Sinh ngày: Dân tộc: Quốc tịch:  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:  
Số giấy chứng thực cá nhân:  
Ngày cấp: Nơi cấp:  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:  
Chỗ ở hiện tại:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: BÙI THỊ BÌNH Giới tính: Nữ  
Chức danh: *Giám đốc*  
Sinh ngày: 01/06/1964 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
Số giấy chứng thực cá nhân: 011272164  
Ngày cấp: 30/08/2005 Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *TDP Phú Thứ, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*  
Chỗ ở hiện tại: *TDP Phú Thứ, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội